

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/8/2024

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà - Thẩm phán Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Minh, Bà Nguyễn Thị Thiên Thuận

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hạnh Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 230/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/08/2024 về việc “Ly hôn với người mất năng lực hành vi dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đông Thị T**, sinh năm: 1983. HKTT: 11C/364 B, phường C, quận K, Hà Nội.

(Chị T có mặt tại phiên tòa)

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh năm: 1975. Nơi cư trú: Số 11C/364 B, phường C, quận K, Hà Nội. Đã bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự số 08/2024/QĐDS-ST ngày 27/06/2024.

Người giám hộ cho anh Q: Bà **Chu Thị Q1** (mẹ đẻ). Sinh năm: 1944. Nơi cư trú: số 11C/364 B, phường C, quận K, Hà Nội.

(Bà Q1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Đông Thị T trình bày như sau:

Chị T và anh Q có đăng ký kết hôn năm 2007, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của bố mẹ anh Q tại số 11C/364 B, phường C, quận K, Hà Nội. Do anh Q bị bệnh tâm thần phân liệt nhiều năm, anh đánh vợ nhiều lần nên chị T không còn tình cảm với anh Q. Ngày 27/6/2024, Tòa án nhân dân quận

Hoàn Kiếm đã tuyên bố anh Q mất năng lực hành vi dân sự. Chị T đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết cho Chị T được ly hôn.

Chị T và anh Q có 02 con chung là Nguyễn A.N sinh ngày .../.../... và Nguyễn Diệu L sinh ngày .../.../.... Chị T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh Q cũng như mẹ chồng chị T – bà Chu Thị Q1 cấp dưỡng nuôi con chung là hai cháu A.N, L.

Chị T và anh Q không có tài sản chung, không có nhà đất chung, không có công nợ chung.

Chị T tự lo nơi ở sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Chu Thị Q1 - người giám hộ cho bị đơn anh Nguyễn Văn Q có ý kiến tại bản tự khai ngày 31/7/2024 như sau:**

Do anh Nguyễn Văn Q bị bệnh tâm thần phân liệt, hiện đang điều trị ở Bệnh viện tâm thần Hà Nội nên bà Q1 đồng ý cho Đồng Thị T ly hôn Nguyễn Văn Q. Về tài sản giữa anh Q và chị T không có gì chung cả, chỉ có 2 đứa con chung là Nguyễn A.N, sinh năm ... và Nguyễn Diệu L, sinh năm ... đều là con gái.

Trong quá trình giải quyết ly hôn bà Q1 xin được vắng mặt vì lý do tuổi cao sức yếu. Bà Q1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Nguyễn Văn Q được ly hôn với chị Đồng Thị T.

***Tại phiên tòa:** Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị T trình bày thực tế do hành vi của anh Q bị bệnh, nhiều lần có hành vi gây tổn thương sức khỏe của chị, đe dọa sức khỏe cho cả con chung nên chị và hai con chung vợ chồng đã đi thuê nhà ở từ năm 2018. Hiện chị và các con đang ở tại địa chỉ Số 7 ngõ 14 B, phường C, K, Hà Nội, lối đi vào theo ngõ 16 phố D, K, Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành hòa giải, thu thập chứng cứ và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến khi phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã chấp hành pháp luật theo các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau phần tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 của Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn anh Nguyễn

Văn Q cư trú tại quận K, Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – anh Nguyễn Văn Q đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm nên mẹ đẻ là bà Chu Thị Q1 được xác định là người tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ theo Điều 46, 48 Bộ Luật dân sự 2015;

Người giám hộ cho bị đơn tham gia tố tụng bà Chu Thị Q1 có đơn đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt bà Q1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn:

[3.1]. Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận K, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nội dung văn bản Quyết định giải quyết việc dân sự số 08/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, căn cứ Kết luận giám định sức khoẻ tâm thần của Viện pháp y Tâm thần Trung Ương – Bộ Y Tế, anh Q bị bệnh tâm thần phân liệt thể di chứng giai đoạn sa sút tâm thần, hành vi về bệnh của anh Q được tóm tắt “*Đối tượng có biểu hiện bất thường về tâm thần từ năm 2010, bệnh khởi phát tự nhiên, biểu hiện đêm ít ngủ, tính tình thay đổi, hay cáu giận vô cớ, nói lảm bảm một mình. Đối tượng luôn cho rằng người thân, hàng xóm không tốt tìm cách hại mình, không ăn cùng gia đình (cho rằng đồ ăn có độc). Đối tượng thường xuyên nghe tiếng nói trong đầu (cả tiếng đàn ông, đàn bà), tiếng nói có lúc khen ngợi, có lúc chê bai, có lúc tiếng nói ra lệnh cho đối tượng đập phá đồ đạc, đối tượng làm theo. Đối tượng không vệ sinh cá nhân, hàng tháng không tắm*”.

Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã tuyên bố anh Nguyễn Văn Q mất năng lực hành vi dân sự, bà Chu Thị Q1 là người giám hộ anh Q, bà Q1 thực hiện quyền nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật cho đến khi có sự thay đổi khác.

Nguyên đơn xin ly hôn, người giám hộ là mẹ đẻ anh Q, mẹ chồng nguyên đơn đồng thuận, đề nghị Toà án giải quyết cho anh Q và chị T ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. HĐXX thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, quan hệ hôn nhân không còn tồn tại nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, được chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn A.N sinh ngày/..../..... và Nguyễn Diệu L sinh ngày/..../..... Nguyên vọng của chị T đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh Q cũng như mẹ chồng tức người giám

hộ anh Q cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế anh Q không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của người Cha, còn bà nội đã 80 tuổi, hai con chung cũng có nguyện vọng được Mẹ chăm sóc, giáo dục nên được HĐXX chấp nhận việc giao cả hai con chung cho chị T.

[3.2]. Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào

- Khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 46, Điều 48; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, 53, 55, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, **Chị Đồng Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Văn Q.**

2. **Về con chung:** Chị Đồng Thị T và anh Nguyễn Văn Q có hai con chung là Nguyễn A.N sinh ngày .../.../..... và Nguyễn Diệu L sinh ngày .../.../.....

Giao hai trẻ Nguyễn A.N sinh ngày .../.../... và Nguyễn Diệu L sinh ngày .../.../... cho Mẹ là Đồng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 26/8/2024 cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

3. **Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung:** Các đương sự trình bày không có tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

4. **Án phí:** Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm. Biên lai tạm ứng án phí số 0006670 ngày 31/7/2024.

5. **Quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt người giám hộ của bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người giám hộ - bà Chu Thị Q1 có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hoàn Kiếm;
- Chi Cục Thi hành án DS
quận Hoàn Kiếm;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- UBND phường C để thực
hiện thay đổi hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THU HÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

